

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 05-3-2019

V/v *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Trần Thị Thương Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Quang Đôn**

2. Bà **Đoàn Thị Quế**

- Thư ký phiên toà: Bà **Quàng Thị Thu** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2018 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXX - ST ngày 12 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đỗ Xuân T** - Sinh năm: 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường N B, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị X** - Sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường N B, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/12/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Xuân T trình bày:

* Về hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại phường Sông Đà thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu vào năm 1990 (Nay thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên). Hiện nay tôi đã đánh mất đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống là do bà X hay cờ bạc, làm thất thoát tài sản dẫn đến nợ nần, tôi đã cho bà X cơ hội để sửa chữa và tu trí làm ăn nhưng bà X vẫn không sửa chữa được và hiện chúng tôi đang sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà X.

* Về con chung: Ông Đỗ Xuân T khai vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Xuân T - sinh ngày 26/02/1991 và Đỗ Xuân G- sinh ngày 14/10/1997; Nay các cháu đã trưởng thành và khỏe mạnh phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản: Ông T xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Ông T xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 12 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị X trình bày:

Tôi và ông Đỗ Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại phường Sông Đà thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu vào năm 1990 (Nay thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên). Chúng tôi đánh mất đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng về mọi mặt, hiện nay hai vợ chồng chúng tôi đang sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và có níu kéo cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên tôi đề nghị Tòa án công nhận ly hôn cho tôi và ông T.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Đỗ Xuân Tr- sinh ngày 26/02/1991; Đỗ Xuân G- sinh ngày 14/10/1997; Nay các cháu đã trưởng thành và khỏe mạnh phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Nợ phải trả: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ lấy về: Không có.

Tại phiên tòa ông Đỗ Xuân T và Nguyễn Thị X vẫn giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của ông T và bà X tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Vụ án Đỗ Xuân T và Nguyễn Thị X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Xuân T và bà Nguyễn Thị X khai ông bà lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/1990 tại thị xã Mường Lay, tỉnh Lai Châu cũ. Ông T và bà X không cung cấp được Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Ngày 21/01/2019 Ủy ban nhân dân phường Sông Đà, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên đã xác nhận sau khi kiểm tra không có tên của ông Đỗ Xuân T và bà Nguyễn Thị X trong sổ đăng ký kết hôn của phường Sông Đà, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên từ năm 1990 cho đến tháng 9 năm 2010 ông T và bà X đã chung sống với nhau và có 02 con chung. Do vậy không có căn cứ ông T và bà X lấy nhau có đăng ký kết hôn. Hôn nhân của ông T và bà X là hôn nhân không hợp pháp. Tại phiên tòa, ông T và bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và quyết tâm đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi cho ông T và bà X tránh khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể tồn tại, chấp nhận đơn xin ly hôn của ông T, áp dụng Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình xử không công nhận vợ chồng giữa ông Đỗ Xuân T và bà Nguyễn Thị X.

* Về con chung: Ông T và bà X đều khai và công nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Xuân Tr- sinh ngày 26/02/1991; Đỗ Xuân G- sinh ngày 14/10/1997; Nay các cháu đã trưởng thành và khỏe mạnh phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

* Về Tài sản chung, nợ phải trả: Ông T và bà X xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ lấy về: Không có.

* Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đỗ Xuân T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2016/0002092 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ; ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

1 Tuyên xử: Không công nhận ông Đỗ Xuân T và bà Nguyễn Thị X là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông T và bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về Tài sản chung, nợ phải trả: Ông T và bà X xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ lấy về: Không có.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đỗ Xuân T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2016/0002092 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ; ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự ông Đỗ Xuân T và bà Nguyễn Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án (05/3/2019)/.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPĐBP;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

